

## BÁO CÁO

### Phân tích chỉ số Hiệu quả Môi trường (EPI) cho “Đa dạng sinh học & Sinh cảnh” tại diện tích khai thác mủ gỗ của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương Năm 2023

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn PEFC 2001:2014 Hướng dẫn sử dụng chuỗi hành trình sản phẩm cho các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng;

Căn cứ Bộ tiêu chuẩn PEFC 2002:2020 Những yêu cầu chung về chuỗi hành trình sản phẩm cho các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng;

Căn cứ Quy định Quy trình tham vấn các bên liên quan (QĐNN11) ngày 29/01/2021 của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng;

Căn cứ Quy trình trách nhiệm giải trình DDS cho kiểm soát nguyên liệu đầu vào PEFC - CoC ngày 04/04/2022 của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng;

Căn cứ kết quả đánh giá về rừng có giá trị bảo tồn cao năm 2023;

Căn cứ kết quả điều tra tình hình động vật, thực vật năm 2022-2023 tại các Nông trường cao su thuộc Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng;

Căn cứ kết quả tham vấn về “Đánh giá các hoạt động liên quan đến nguồn gốc sử dụng nguyên liệu từ cây cao su của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng năm 2023”.

Ban chỉ đạo Phát triển bền vững Công ty báo cáo phân tích chỉ số Hiệu quả Môi trường (EPI) cho “Đa dạng sinh học & Sinh cảnh” tại diện tích khai thác mủ gỗ của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương như sau:

#### 1. Tổng quát về chỉ số EPI

“Bền vững môi trường” được xem là một trong những mục tiêu quan trọng nhất trong các chính sách phát triển kinh tế, xã hội và môi trường của nước ta. Việc đánh giá quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững từ nội dung của các chính sách phát triển này cũng như các chính sách bảo vệ môi trường sẽ là nền tảng cho quá trình hoạch định, điều chỉnh và theo dõi sự tiến bộ trong việc thực thi chính sách của các cơ quan có thẩm quyền.

Năm 2022, Việt Nam đạt 20,10/100. Xét trên thang điểm từ 0-100 của EPI, Việt Nam vẫn nằm trong số 2/3 các quốc gia trên thế giới có điểm dưới 50.

Vì chỉ số EPI của Việt Nam đạt 20,10/100 điểm, dưới 50 điểm nên theo Bộ tiêu chuẩn PEFC 2002:2020, tất cả doanh nghiệp thuộc lãnh thổ Việt Nam có các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng thuộc lãnh thổ Việt Nam đều phải được đánh giá qua hệ thống giải trình trách nhiệm DDS cho kiểm soát nguyên liệu đầu vào PEFC CoC.

## **2. Đánh giá chỉ số EPI tại khu vực cho sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ từ rừng**

Qua phân tích đánh giá rủi ro cho hệ thống giải trình trách nhiệm DDS trên diện tích khai thác mù gỗ của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, tại Bảng 1 và Bảng 2 mục 8.2.1 và 8.2.2, chỉ số này được đánh giá rủi ro đáng kể – nguồn gây tranh cãi.

Việc đánh giá phân tích chỉ số EPI tại khu vực là bước đầu để giảm thiểu các rủi ro tiếp theo. Bên cạnh đó, chưa có bộ tiêu chuẩn nào hướng dẫn việc đánh giá phân tích EPI. Tuy nhiên, theo Tổ chức Minh bạch quốc tế đã chỉ ra rằng chỉ số EPI không phải luôn luôn phù hợp trong lĩnh vực lâm nghiệp. Do đó, nếu có tồn tại những chỉ số phù hợp hơn, thì có thể được sử dụng với sự đồng ý thỏa thuận trước của Hội đồng PEFC với sự tư vấn của tổ chức Minh bạch quốc tế. Những chỉ số này được liệt kê ở tài liệu hướng dẫn chuỗi hành trình sản phẩm PEFC.

Bên cạnh đó, trên thế giới, các phương pháp đánh giá hoạt động môi trường dựa trên số liệu thu thập được với mức độ tin cậy cao đã được xây dựng và tiến hành thực nghiệm ở cấp độ quốc gia, đây sẽ là hướng tiếp cận để xây dựng một phương pháp đánh giá ở cấp độ địa phương, và một trong số các phương pháp đánh giá ấy là chỉ số đánh giá hoạt động môi trường toàn cầu EPI.

Chỉ số đánh giá hoạt động môi trường (Environmental Performance Index - EPI, chỉ số hiệu quả môi trường, chỉ số thành tích môi trường, chỉ số năng lực quản lý môi trường) là một loại chỉ số tổng hợp được Trung tâm Chính sách và Luật Môi trường Yale (YCELP) thuộc Đại học Colombia xây dựng với mục đích đánh giá tính bền vững về môi trường tại các quốc gia trên thế giới.

EPI được tính toán từ nhiều chỉ số thành phần và các thành phần này được phân chia thành hai nhóm lớn:

- Nhóm I: Đo lường những nỗ lực giảm áp lực lên môi trường về sức khỏe con người, được gọi là nhóm chỉ số sức khỏe môi trường (Environmental Health).

- Nhóm II: Đo lường việc giảm những mất mát hay suy giảm hệ sinh thái và nguồn tài nguyên thiên nhiên, được đưa vào nhóm chỉ số tính bền vững hệ sinh thái (Ecosystem Vitality).

Kết hợp những điều trên, thực hiện phân tích chỉ số Hiệu quả Môi trường (EPI) cho “Đa dạng sinh học & Sinh cảnh” tại diện tích khai thác mù gỗ của Công ty với một số phương pháp phù hợp với tình hình thực tế của Công ty, cụ thể như sau:

- Đánh giá đa dạng sinh học dựa trên kết quả điều tra tình hình động vật, thực vật năm 2023;

- Đánh giá giá trị bảo tồn cao đối với các Nông trường tham gia Chứng chỉ rừng;

- Tham vấn cộng đồng về việc bảo tồn đa dạng sinh học.

## **3. Kết quả đánh giá rủi ro cho khu vực nguồn nguyên liệu thuộc quản lý của 8 Nông trường, với diện tích 27.917,72 ha, cụ thể như sau:**

### **3.1. Đánh giá đa dạng sinh học dựa trên kết quả điều tra tình hình động vật, thực vật năm 2023**

#### **a. Tính đa dạng về thực vật**

- Thực vật tại diện tích rừng của 08 Nông trường thống kê được 16 loài thuộc 16 chi, 11 họ của 2 ngành thực vật. Họ thực vật lớn nhất là họ Hòa Thảo – Poaceae với 4 loài chiếm 25%, họ Đậu Fabaceae với 2 loài chiếm 12,50% và họ Thầu dầu Dipterocarpaceae với 2 loài chiếm 12,50%.

- Đa dạng về họ: Trên diện tích của Nông trường Bến Súc, An Lập không có sự đa dạng về họ thực vật so với các Nông trường khác.

- Đa dạng về dạng sống của các loài thực vật: Qua phân tích số liệu cho thấy cây thân gỗ chiếm 38,89%, cây thân bụi chiếm 11,11%, cây thân thảo chiếm 33,33%, và cây thân leo chiếm 16,67%.

Căn cứ vào danh lục các loài đã điều tra được tại khu vực nghiên cứu, không phát hiện thấy các loài nằm trong Danh lục đỏ, Sách đỏ Việt Nam về thực vật (2007), theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

### **b. Tính đa dạng về động vật**

Tại khu vực diện tích rừng của 08 Nông trường, khu hệ thú có 01 bộ, 01 họ, 01 loài; khu hệ chim có 4 bộ, 4 họ, 4 loài; khu hệ bò sát có 1 bộ, 1 họ, 1 loài; khu lưỡng cư có 01 bộ, 01 họ, 01 loài và không có loài nào nằm trong sách đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 về Quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và Danh lục các loài nguy cấp có nguy cơ tuyệt chủng CITES, IUCN... qua đó khu vực này được đánh giá là không có tính đa dạng về động vật.

\* Giải pháp:

Tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ nông trường, công nhân nông trường và người dân địa phương có những hiểu biết về pháp luật, pháp lệnh về bảo vệ rừng của Chính phủ. Truyền thông về vai trò to lớn của rừng đối với con người và môi trường sống. Từ đó, giúp người dân hiểu biết về tầm quan trọng phải bảo vệ đa dạng sinh học.

### **3.2. Đánh giá giá trị bảo tồn cao đối với các Nông trường tham gia Chứng chỉ rừng (8.000 ha – NT Thanh An, Bến Súc, Đoàn Văn Tiến và Trần Văn Lưu)**

Các khu rừng được lựa chọn đưa vào đánh giá gồm: Toàn bộ rừng trồng là rừng sản xuất của Công ty (Công ty không có rừng tự nhiên và không có rừng phòng hộ hay đặc dụng). Kết quả đánh giá như sau:

STT	Các giá trị HCV	Diễn giải	Kết quả
01	HCV 1: Rừng có các giá trị đa dạng sinh học có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc quốc tế	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khu vực rừng của Công ty là rừng trồng, không liền kề hoặc gần với khu rừng đặc dụng nào.</li><li>- Qua điều tra về đa dạng sinh học, khu vực rừng không tồn tại một số loài động thực vật bị đe dọa và nguy cấp, rừng ở đây là rừng trồng sản xuất nên tính đa dạng sinh học rất nghèo, không phát hiện thấy các loài động thực vật quý hiếm, không phát hiện loài đặc hữu nào phân bố trong khu rừng.</li><li>- Kết quả điều tra, cũng như thông tin phỏng vấn cán bộ Công ty và người dân địa phương cho thấy trong khu vực không có khu ngập nước hay các quần xã di cư.</li></ul>	Không hiện hữu
02	HCV 2: Rừng cấp cảnh quan lớn có ý nghĩa quốc gia, khu vực hoặc	<ul style="list-style-type: none"><li>- Khu rừng Công ty quản lý nằm tại 08 Nông trường. Tổng diện tích vườn cây Cao su: 27.917,72 ha, trong đó diện tích tham gia Hệ</li></ul>	Không hiện hữu

STT	Các giá trị HCV	Diễn giải	Kết quả
	quốc tế, thuộc đơn vị quản lý rừng.	thông Chứng chỉ Rừng Quốc gia (VFCS/PEFC) thuộc 04 Nông trường: Đoàn Văn Tiến (1.978,36 ha), Trần Văn Lư (2.839,89 ha), Thanh An (2.393,64 ha), Bến Súc (788,10 ha) với tổng diện tích là 8.000 ha. Không có quần thể loài trọng yếu sinh sống.	
03	HCV 3: Bao gồm những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp.	Toàn bộ rừng của Công ty là rừng trồng sản xuất, không có những hệ sinh thái hiếm, đang bị đe dọa hoặc nguy cấp.	Không hiện hữu
04	HCV 4: Rừng cung cấp những dịch vụ tự nhiên, như: rừng phòng hộ đầu nguồn, chống xói mòn, cung cấp nguồn nước...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rừng của Công ty là rừng trồng sản xuất, không có tiểu khu nào của Công ty được xác định là rừng phòng hộ.</li> <li>- Căn cứ vào bản đồ bảo vệ hành lang ven suối, các suối trên địa bàn quản lý của Công ty chủ yếu là suối nhỏ và khe cạn không cung cấp được trên 90% nhu cầu nước sinh hoạt, tưới tiêu cho làng hoặc cộng đồng tại khu vực này.</li> <li>- Khu vực rừng của Công ty không có hiện tượng sạt lở đất và lũ quét, không nằm trong khu vực gió bão và sóng biển dâng...</li> </ul>	Không hiện hữu
05	HCV 5: Rừng cung cấp nhu cầu cơ bản của cộng đồng địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gắn ranh giới có một số hộ dân của người Kinh sinh sống.</li> <li>- Hiện nay người dân tộc thiểu số tại khu vực đã hòa nhập với nền kinh tế thị trường tại địa phương và không còn phụ thuộc vào rừng tự nhiên để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của họ nữa.</li> <li>- Những nhu cầu cơ bản của họ đã được thay thế bằng các sản phẩm phổ thông như: Họ đã sử dụng bếp ga thay cho dùng củi, họ đã đến các trạm y tế của xã và trung tâm y tế của huyện để khám chữa bệnh, và sử dụng gạch để làm nhà và xây dựng chuồng trại...</li> </ul>	Không hiện hữu
06	HCV 6: là khu rừng có ý nghĩa văn hóa, sinh thái, kinh tế hoặc tôn giáo đối với cộng đồng địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khu vực rừng của Công ty có một số hộ dân dân tộc Kinh sống bên trong và gần rừng.</li> <li>- Rừng ở đây là rừng trồng sản xuất, cộng đồng người dân ở đây không sử dụng rừng trồng là đặc trưng văn hóa của họ.</li> <li>- Rừng ở khu vực Công ty quản lý là rừng trồng sản xuất và không có vai trò trong việc nhận diện văn hóa của cộng đồng địa phương.</li> </ul>	Không hiện hữu

Qua điều tra đánh giá rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF) trên diện tích rừng của Công ty TNHH MTV Cao Su Dầu Tiếng thì rừng do Công ty quản lý không phải là rừng có giá trị bảo tồn cao.

### 3.3. Tham vấn cộng đồng về việc đa dạng sinh học

- Ý kiến của người dân địa phương và các huyện (xã) quanh khu vực quản lý về các hoạt động quản lý rừng của Công ty đến sức khỏe và môi trường sống của họ, cụ thể như sau:

+ Hoạt động phun phòng trị bệnh cây cao su của đơn vị không ảnh hưởng đến sức khỏe và môi trường sống của người dân trong huyện (xã);

+ Hoạt động sản xuất của đơn vị (gieo ươm, trồng, chăm sóc, thu hoạch mủ, khai thác gỗ,... của Công ty) không gây xói mòn, bồi lắng, thay đổi dòng chảy, gây ô nhiễm nguồn nước và tác động đến sinh hoạt, sản xuất người dân trong huyện (xã);

+ Hoạt động khai thác của đơn vị không làm ảnh hưởng đến giao thông đi lại trong huyện (xã), gây nguy hiểm cho người và gia súc của người dân tại khu vực Công ty diễn ra các hoạt động khai thác mủ;

+ Khảo sát người dân sống gần khu vực diện tích rừng trồng Công ty quản lý, đa số ý kiến xác định không có các loài động vật quý hiếm.

- Ý kiến của các đơn vị chuyên về cây cao su và quản lý khu vực rừng:

+ Công ty có các Kế hoạch thực hiện cụ thể, rõ ràng về bảo vệ rừng của Công ty, việc duy trì, bảo tồn hoặc tăng cường đa dạng sinh học về cảnh quan, hệ sinh thái, loài hoặc mức độ di truyền;

+ Qua Kế hoạch bảo vệ rừng của Công ty, đều không thấy có hoạt động quản lý rừng nào của Công ty không góp phần duy trì, bảo tồn hoặc tăng cường đa dạng sinh học về cảnh quan, hệ sinh thái và các khu vực rừng có giá trị quan trọng về mặt sinh thái không được xác định, bảo vệ, bảo tồn.

+ Vườn cây xanh, sạch, đẹp, hệ sinh thái được bảo vệ tốt (thảm thực vật được phủ trong vườn cây, 02 bên hành lang ven suối được bảo vệ,...).

### 4. Kết luận

Qua các kết quả đánh giá trên cho thấy, Công ty luôn chú trọng việc giữ gìn và bảo vệ sinh học trong quá trình sản xuất theo điều kiện thực tế của Công ty. Kết quả cho thấy: Không có rủi ro nào đáng kể cho từng tiêu chí đánh giá và đánh giá rủi ro khu vực liên quan đến chỉ số Hiệu quả Môi trường (EPI), Công ty đã tuân thủ theo quy định Luật pháp Việt Nam về việc sử dụng và khai thác nguyên liệu có nguồn gốc từ rừng, không vi phạm các quy định của Quốc tế có liên quan.

Trên đây là Báo cáo phân tích chỉ số EPI tại diện tích khai thác mủ gỗ của Công ty TNHH MTV Cao su Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương năm 2023.

Trân trọng./.

**TM. BAN CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
**TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**Nguyễn Đức Hiền**